

Cao Bằng, ngày 20 tháng 6 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Phần A.V,VI. Nội dung cơ bản của CNXHKKH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Ngày thi: 10/6/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,50	Bảy phẩy năm
2	La Thị Biếc	7,00	Bảy	39	Lương Văn Ngu	8,00	Tám
3	Lục Thị Chinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Thang Thị Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	41	Trần Đức Nhâm	7,50	Bảy phẩy năm
5	Hoàng Văn Dự	6,00	Sáu	42	Hoàng Thị Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Hoàng Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Nông Thị Nhung	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	44	Ngân Thị Nương	7,50	Bảy phẩy năm
8	La Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Ngô Thị Phương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Nông Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	46	Đàm Văn Quang	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Lương Thị Gấm	8,00	Tám	47	Mông Đình Quế	7,50	Bảy phẩy năm
11	Nông Thị Hằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	48	Chu Thị Quý	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Thị Hành	7,00	Bảy	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
13	Lương Thị Hạnh	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Bé Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
15	Dương Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Bé Thị Thê	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	54	Hứa Văn Thiệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Lương Thị Hợp	7,00	Bảy	55	Lục Văn Thiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Hoàng Văn Huân	8,00	Tám	56	Hoàng Văn Thóm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	57	Lục Thị Thu	7,00	Bảy
21	Hoàng Kim Huệ	8,00	Tám	58	Nông Văn Thượng	8,00	Tám
22	Nông Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	59	Hứa Thị Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
23	Hứa Quốc Huy	7,00	Bảy	60	Nông Ngọc Thủy	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
24	Hoàng Bích Huyền	7,00	Bảy	61	Triệu Thị Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,50	Bảy phẩy năm
26	Hà Phúc Khải	7,00	Bảy	63	Luong Thị Tiên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Hoàng Thị Khâm	7,00	Bảy	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
28	Nông Đức Khánh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Triệu Thị Tòn	7,50	Bảy phẩy năm
29	La Đức Kiểm	7,00	Bảy	66	Hoàng Minh Trọng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Hoàng Thị Kỳ	7,00	Bảy	67	Hoàng Đức Trung	7,00	Bảy
31	Sầm Thị Lanh	7,00	Bảy	68	Đàm Thị Tuyền	6,75	Sáu phẩy bảy năm
32	Đinh Thị Liên	7,00	Bảy	69	Vi Thị Viện	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Thị Liễu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Hoàng Thị Yên	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Luyến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Ngôn Hải Yên	7,50	Bảy phẩy năm
35	Nông Thị Ly	7,50	Bảy phẩy năm	72	Lý Thị Hoài	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	8,00	Tám	73	Hoàng Mạnh Hùng (TCLLCT K22)	7,75	Bảy phẩy bảy năm
37	La Thị Mây	7,50	Bảy phẩy năm				

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 17 điểm; Điểm 7,75: 14 điểm; Điểm 8,00: 15 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa